

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;

2. Bà Trần Thị Phiến;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa 33/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 595/TB-TA ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp Tân Q, xã Tân Ph, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1963

Địa chỉ: 13/16, Đường 11, Phường 4, thành phố T tỉnh L.

(Văn bản ủy quyền ngày 03-10-2018).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1981;

2. Chị Phạm Ngọc B, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân N, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn, ông Trần Thanh H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Tính có cho chị B và anh L vay tiền nhiều lần để đáo nợ Ngân hàng.

Khoảng tháng 6-2018, ông Tính cho anh L, chị B vay 150.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Số tiền này, ông Tính giao cho vợ chồng anh L, chị B tại quán cà phê đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Phòng giao dịch C. Lãi suất thỏa thuận 3%/ngày (vì thông thường chỉ 3 ngày là chị B, anh L trả lại cho ông T). Việc giao nhận tiền chưa làm biên nhận, không ai chứng kiến. Anh L, chị B và ông T thỏa thuận: Sau khi trả nợ cho Ngân hàng xong, lấy lại giấy chứng nhận QSD đất, anh L, chị B sẽ chuyển nhượng QSD đất cho ông T để trừ nợ.

Sau khi trả nợ Ngân hàng xong, ông T mới biết phần đất của anh L, chị B bị Chi cục Thi hành án huyện C cưỡng chế, kê biên để đảm bảo thi hành án cho các khoản nợ mà anh L, chị B chưa thanh toán. Do đó, anh L, chị B tiếp tục vay của ông T số tiền 170.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án Huyện (để thanh toán cho 02 khoản nợ của chị Tr và chị Th). Ngày 22-6-2018, ông T trực tiếp nộp tiền tại Chi cục Thi hành án Huyện (thay cho anh L, chị B) số tiền 152.634.000 đồng. Cùng ngày, Chi cục Thi hành án Huyện có quyết định giải tỏa kê biên tài sản của anh L, chị B. Sau đó, Ngân hàng trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất cho anh L, chị B, anh L, chị B giao lại cho ông T giữ. Ngày 25-6-2018, anh L, chị B có làm biên nhận nợ cho ông T thống nhất số nợ tính tròn là 320.000.000 đồng (02 khoản).

Khi đo đạc đất để tiến hành chuyển nhượng, diện tích phần đất của anh L, chị B bị dư so với diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất, người giáp ranh không đồng ý ký giáp ranh, nên việc chuyển nhượng đất không thực hiện được.

Do không có tiền trả lãi cho ông T, nên ngày 27-7-2018, chị B ghi biên nhận nợ cho ông T 20.000.000 đồng tiền lãi. Đến nay, anh L, chị B chưa trả lại tiền vay cho ông T.

Do đó, ông Trần Trung T yêu cầu anh Nguyễn Minh L và chị Phạm Ngọc B liên đới trả số tiền 346.800.000 đồng (trong đó vốn gốc 340.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến 27-9-2018 là 6.800.000 đồng.)

Tại phiên tòa, ông H, đại diện nguyên đơn ông T rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu anh L, chị B liên đới trả tiền vốn theo biên nhận ngày 25-6-2018, số tiền 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Minh L, chị Phạm Ngọc B không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thông nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh L, chị B không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh L, chị Phạm Ngọc B tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn, ông Trần Thanh H đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Trung T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Minh L và chị Phạm Ngọc B liên đới trả số tiền gốc theo biên nhận ngày 25-6-2018 là 320.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 25-6-2018 có chữ ký, họ tên của Nguyễn Minh L, Phạm Ngọc B yêu cầu anh Liền, chị B liên đới trả số tiền trên, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn trình bày, khoản tiền trên nguyên đơn cho anh L, chị B vay mục đích trả nợ Ngân hàng và nộp tại Chi cục Thi hành án Huyện. Tòa án có thu thập thông tin từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch C và Chi cục Thi hành án huyện C. Tại Công văn 66/NHNoCT-KHTD ngày 16-4-2019, Ngân hàng cung cấp thông tin: Anh L, chị B có vay tiền của Ngân hàng, ngày tất toán là 04-6-2018, số tiền 136.714.514 đồng (không phải là 150.000.000 đồng). Tại Công văn 166/CV-CCTHADS ngày 19-4-2019, Chi cục Thi hành án Huyện cung cấp thông tin: Ông T có nợ thay anh L, chị B số tiền 152.634.000 đồng (không phải là 170.000.000 đồng) để thanh toán 02 khoản nợ của anh L, chị B phải thi hành đối với chị Lê Thị Ngân Tr và Phạm Thị Ánh Th. Tại phiên tòa, ông H, đại diện nguyên đơn trình bày số tiền trả Ngân hàng và nộp tại Chi cục Thi hành án có sự chênh lệch so với trình bày của nguyên đơn và số tiền trong biên nhận là do việc giao nhận tiền trước, làm biên nhận sau, số tiền chênh lệch ông T đã giao cho anh L, chị B sử dụng, nên khi làm biên nhận, anh L, chị B thống nhất số tiền nợ tính tròn là 320.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn căn cứ giấy mượn tiền ngày 25-6-2018, yêu cầu anh L, chị B liên đới trả số tiền 320.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với anh L, chị B: Trong quá trình làm việc, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, công khai tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cho anh L, chị B biết, đồng thời đến nhà trực tiếp làm việc, tiếp xúc với chị B nhưng chị B từ chối, kiên quyết không trình bày ý kiến, không cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về khoản nợ của ông T, cho rằng hiện nay tài sản đã bị Chi cục Thi hành án cưỡng chế, kê biên để đảm bảo thi hành án, không còn gì để mất, không còn khả năng thanh toán nợ. Như vậy, anh L, chị B đã mặc nhiên chấp nhận trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.3] Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

[3.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn. Căn cứ quy định pháp luật trên, buộc anh L, chị B liên đới trả cho ông T số tiền vốn 320.000.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Liền, chị B nguyên đơn trình bày đã bị thất lạc. Nếu sau này, các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc anh Nguyễn Minh L, chị Phạm Ngọc B liên đới trả cho ông Trần Trung T tiền vốn vay là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng.)
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh L và chị Phạm Ngọc B phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 5.120.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Trung T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.670.000 đồng, theo biên lai số 03689 ngày 10-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn anh Nguyễn Minh L, chị Phạm Ngọc B vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự, niêm yết (05 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Huyện (01 bản);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Kim Xuân